

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 2****MÔN: TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com****I. Listen and choose the correct answer.****Phương pháp giải:**

- Đọc các câu hỏi, gạch chân dưới những từ khoá.
- Quan sát nhanh các bức tranh, nắm được ý chính của từ bức ảnh.
- Nghe cẩn thận và chọn ra đáp án đúng.

**Bài nghe:****1. What is the cave next to?**

A: Look at that dark cave.

B: I can't see it. Is it next to the mountain?

A: No. It's next to the waterfall.

**2. What is on the island?**

A: What's on that island?

B: I think that's a waterfall.

A: No, it's not a waterfall. It's a jungle. Look at the trees.

**3. Where does the waterfall go?**

A: I like that waterfall.

B: Yes, it's very high. Where does it go?

A: Does it go into the river?

B: No, look, it goes into that small lake.

**4. What is higher than the trees?**

A: That's very high.

B: That building? No, it isn't. The trees are higher than the building.

A: No, I mean the mountain.

B: Oh, yes. The mountain is much taller than the trees!

**5. What picture is the boy looking at?**

A: I like this book. What is that in the picture? Is it an ocean?

B: No, it isn't. It's a very wide lake.

A: Oh, yes. I see.

**Tạm dịch:**

**1. Cái hang ở cạnh gì vậy?**

A: Nhìn cái hang tối đó kìa.

B: Tôi không thấy. Nó ở cạnh ngọn núi à?

A: Không. Nó ở cạnh thác nước.

**2. Trên hòn đảo có gì?**

A: Trên hòn đảo đó có gì vậy?

B: Tôi nghĩ đó là một thác nước.

A: Không, không phải thác nước đâu. Đó là một khu rừng. Nhìn mấy cái cây kìa.

**3. Thác nước chảy đi đâu?**

A: Tôi thích thác nước đó.

B: Ừ, nó cao thật đấy. Nó chảy đi đâu nhỉ?

A: Nó chảy vào sông à?

B: Không, nhìn kìa, nó chảy vào cái hồ nhỏ đó.

**4. Cái gì cao hơn mấy cái cây?**

A: Cái đó cao thật đấy.

B: Tòa nhà đó à? Không đâu, cây còn cao hơn tòa nhà nữa.

A: Không, ý tôi là ngọn núi kia.

B: À đúng rồi. Ngọn núi cao hơn mấy cái cây nhiều!

**5. Cậu bé đang nhìn bức tranh nào?**

A: Tôi thích quyển sách này. Trong bức tranh đó là gì vậy? Là đại dương à?

B: Không phải đâu. Đó là một cái hồ rất rộng.

A: À, đúng rồi. Tôi thấy rồi.

**Lời giải chi tiết:**

1.

**Giải thích:**

What is the cave next to?

(Hang động nằm bên cạnh cái gì?)

**Thông tin:**

A: No. It's next to the waterfall.

*(Không. Nó ở cạnh thác nước.)*

**Đáp án: C**

2.

**Giải thích:**

What is on the island?

*(Có những gì trên đảo vậy?)*

**Thông tin:**

A: No, it's not a waterfall. It's a jungle. Look at the trees.

*(Không, không phải thác nước đâu. Đó là một khu rừng. Nhìn mấy cái cây kia.)*

**Đáp án: A**

3.

**Giải thích:**

Where does the waterfall go?

*(Thác nước này sẽ chảy đến đâu?)*

**Thông tin:**

B: No, look, it goes into that small lake.

*(Không, nhìn kia, nó chảy vào cái hồ nhỏ đó.)*

**Đáp án: B**

4.

**Giải thích:**

What is higher than the trees?

*(Cái gì cao hơn những cái cây?)*

**Thông tin:**

B: Oh, yes. The mountain is much taller than the trees!

*(À đúng rồi. Ngọn núi cao hơn mấy cái cây nhiều!)*

**Đáp án: A**

5.

**Giải thích:**

What picture is the boy looking at?

(Cậu bé đang nhìn vào cái gì?)

**Thông tin:**

B: No, it isn't. It's a very wide lake.

(Không phải đâu. Đó là một cái hồ rất rộng.)

**Đáp án: A**

**II. Choose the correct answers.**

**Phương pháp giải:**

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng về mặt ngữ pháp.

**Lời giải chi tiết:**

1.

“Last weekend” là một dấu hiệu của thì quá khứ đơn, vậy nên động từ chính trong câu này phải được chia ở thì quá khứ đơn.

Dạng quá khứ đơn của “see” là “saw” .

Quang **saw** a dinosaur at the museum last weekend.

(Quang đã thấy một con khủng long ở bảo tàng vào cuối tuần trước.)

**Đáp án: B**

2.

Cấu trúc câu hỏi Yes/No ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Did they **go** to any pagodas during Tet?

**Đáp án: A**

3.

Cấu trúc câu hỏi dạng so sánh hơn với tính từ ngắn:

To be + chủ ngữ + tính từ ngắn dạng so sánh hơn + than + tân ngữ?

Is the penguin **slower** than the kangaroo?

(Chim cánh cụt chậm hơn chuột túi phải không?)

**Đáp án: C**

4.

“Run” là một động từ, vậy nên nó cần được bỏ ngữ bởi một trạng từ.

A. fast: vừa là tính từ, nhưng nó cũng có thể là một trạng từ => chọn

B. fastly: không coi từ này => loại

C. good: là tính từ => loại

She can run very **fast**.

(*Cô ấy có thể chạy rất nhanh.*)

**Đáp án: A**

5.

Cấu trúc câu trả lời ngắn ở thì hiện tại đơn với động từ to be:

Khẳng định: Yes, chủ ngữ + to be.

Phủ định: No, chủ ngữ + to be + not.

A. Yes, he does => Loại, vì động từ chính của câu hỏi là động từ to be

B. No, he is => Loại vì sai ngữ pháp

C. Yes, he is => Chọn

Is Ben shorter than Adam? - Yes, he is.

(*Ben thấp hơn Adam phải không?*)

**Đáp án: C**

### III. Read and decide each sentence below is True or False.

Last year, we had a fun trip to Thac Ba Lake. The lake was deep and the water was clear, and people could swim there. We took a boat to a small island in the middle of the lake and visited a cave. Inside, it was cool, and there were many shiny rocks. After that, we climbed to the top of Cao Bien Mountain. The mountain was very high, and from the top, the lake looked very small. The view was beautiful, with green trees all around. We felt happy and excited. It was a great trip, and we had many wonderful memories!

#### Tạm dịch:

*Năm ngoái, chúng tôi đã có một chuyến đi thú vị đến hồ Thác Bà. Hồ rất sâu và nước trong, mọi người có thể bơi ở đó. Chúng tôi đi thuyền đến một hòn đảo nhỏ giữa hồ và ghé thăm một hang động. Bên trong hang mát mẻ và có nhiều tảng đá lấp lánh. Sau đó, chúng tôi leo lên đỉnh núi Cao Biền. Ngọn núi rất cao, và từ trên đỉnh nhìn xuống, hồ trông rất nhỏ. Quang cảnh thật đẹp với cây cối xanh tươi bao quanh. Chúng tôi cảm thấy vui vẻ và hào hứng. Đó là một chuyến đi tuyệt vời, và chúng tôi đã có rất nhiều kỷ niệm đáng nhớ!*

#### Phương pháp giải:

- Đọc các câu hỏi, gạch chân dưới những từ khoá.
- Đọc, tìm thông tin tương ứng với những từ khoá trên.
- Xác định Đúng/Sai cho từng câu.

**Lời giải chi tiết:**

1.

**Giải thích:** They went to Thac Ba lake last year.

*(Họ đã đến hồ Thác Bà năm ngoái.)*

**Thông tin:**

Last year, we had a fun trip to Thac Ba Lake.

*(Năm ngoái, chúng tôi đã có một chuyến đi thú vị đến hồ Thác Bà.)*

**Đáp án:** True

2.

**Giải thích:** They went to the island by cruise.

*(Họ ra đảo bằng du thuyền.)*

**Thông tin:** We took a boat to a small island in the middle of the lake and visited a cave.

*(Chúng tôi đi thuyền đến một hòn đảo nhỏ giữa hồ và ghé thăm một hang động.)*

**Đáp án:** False

3.

**Giải thích:** It was flat inside the cave.

*(Bên trong hang động rất bằng phẳng.)*

**Thông tin:** We took a boat to a small island in the middle of the lake and visited a cave.

Inside, it was cool, and there were many shiny rocks.

*(Chúng tôi đi thuyền đến một hòn đảo nhỏ giữa hồ và ghé thăm một hang động. Bên trong hang mát mẻ và có nhiều tảng đá lấp lánh.)*

**Đáp án:** False

4.

**Giải thích:** The view from the top of Cao Bien Mountain was surrounded by green trees.

*(Phong cảnh từ đỉnh núi Cao Biền được bao bọc bởi cây xanh.)*

**Thông tin:**

After that, we climbed to the top of Cao Bien Mountain. The mountain was very high, and from the top, the lake looked very small. The view was beautiful, with green trees all around.

*(Sau đó, chúng tôi leo lên đỉnh núi Cao Biền. Ngọn núi rất cao, và từ trên đỉnh nhìn xuống, hồ trông rất nhỏ. Quang cảnh thật đẹp với cây cối xanh tươi bao quanh.)*

**Đáp án:** True

5.

**Giải thích:** They felt happy but tired after the trip.

*(Họ đã cảm thấy rất vui nhưng cũng rất mệt sau chuyến đi.)*

**Thông tin:** We felt happy and excited. It was a great trip, and we had many wonderful memories!

*(Chúng tôi cảm thấy vui vẻ và hào hứng. Đó là một chuyến đi tuyệt vời, và chúng tôi đã có rất nhiều kỷ niệm đáng nhớ!)*

**Đáp án:** False

#### IV. Rearrange the words to make correct sentences.

##### Phương pháp giải:

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xem chức năng và vị trí thông thường của chúng trong câu.
- Xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)
- Áp dụng các cấu trúc câu, sắp xếp các từ đã cho theo một trình tự phù hợp để tạo nên những câu đúng.

##### Lời giải chi tiết:

1. to / last / to / my friends / a / We / coffee shop / went / meet / .

**Giải thích:** Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ đơn + tân ngữ.

**Đáp án:** We went to a coffee shop to meet my friends.

*(Chúng tôi đã đến quán cà phê để gặp bạn bè.)*

2. speak / You / to / politely / must / teacher / your / .

**Giải thích:** Cấu trúc câu khẳng định với động từ khuyết thiếu:

Chủ ngữ + must + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

**Đáp án:** You must speak politely to your teacher.

*(Bạn phải nói chuyện lịch sự với giáo viên của bạn.)*

3. they / their / visit / grandparents / Did / ?

**Giải thích:** Cấu trúc câu hỏi Yes/No ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

**Đáp án:** Did they visit their grandparents?

*(Họ đã đến thăm ông bà của họ phải không?)*

4. than / elephant / bigger / is / An / cheetah / a.

**Giải thích:** Cấu trúc câu so sánh hơn với tính từ ngắn:

Chủ ngữ + to be + tính từ dạng so sánh hơn + than + tân ngữ.

**Đáp án:** An elephant is bigger than a cheetah.

*(Con voi to lớn hơn con báo.)*

5. a / Is / an / than / ocean / deeper / lake / ?

**Giải thích:** Cấu trúc câu hỏi dạng so sánh hơn với tính từ ngắn:

To be + chủ ngữ + tính từ ngắn dạng so sánh hơn + than + tân ngữ?

**Đáp án:** Is an ocean deeper than a lake?

*(Đại dương sâu thẳm hơn hồ nước phải không?)*